

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 11 -2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Cẩm Vân -Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:400/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Ngọc Diễm T, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố M, tỉnh G.

- Bị đơn: Lê Thanh T, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/3/2019, bản tự khai ngày 18/9/2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc Diễm T trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố M, tỉnh G. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng hay cự cãi, anh T thường xuyên uống rượu không lo gia đình và có người phụ nữ khác. Quá trình chung sống chị và anh T có với nhau 02 con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày: 14/10/2013 và Lê Thanh Phúc A, sinh ngày: 06/4/2018. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Lê Ngọc Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Thanh T.
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải và xét xử) đề ngày 24/10/2019.

* Tại bản tự khai đề ngày 23/10/2019, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh và chị Lê Ngọc Diễm T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố M, tỉnh G. Quá trình chung sống, anh và chị T có 02 con chung Lê Ngọc Thảo V, sinh năm: 2013 và Lê Thanh Phúc A, sinh năm: 2018. Nay chị T yêu cầu được ly hôn, anh đồng ý. Anh đồng ý để chị T được nuôi 02 con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc Diễm T. Con chung để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Ngọc Diễm T và anh Lê Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải và xét xử) đề ngày 23/10/2019 và 24/10/2019. Căn cứ khoản 1, Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Ngọc Diễm T và anh Lê Thanh T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố M, tỉnh G, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng hay cự cãi, anh T thường xuyên uống rượu không lo gia đình và có người phụ nữ khác. Cả hai không hàn gắn lại tình

cảm. Tại bản tự khai đề ngày 23/10/2019, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị T. Điều đó chứng tỏ chị T và anh T không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Lê Ngọc Diễm T và anh Lê Thanh T khai thống nhất, anh chị chung sống có với nhau 02 con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày: 14/10/2013 và Lê Thanh Phúc A, sinh ngày: 06/4/2018. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh T đồng ý. Tại bản tự khai ngày 23/10/2019 anh T đồng ý để chị T được nuôi dưỡng 02 con chung. Đây là sự tự nguyện của chị T và anh T, phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện của chị T và bản tự khai của anh T, anh chị đều khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 227, 228, Điều 238, 254 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Ngọc Diễm T.
2. Chị Lê Ngọc Diễm T được ly hôn với anh Lê Thanh T.
3. Về con chung:

Chị Lê Ngọc Diễm T được nuôi dưỡng 02 con chung Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày: 14/10/2013 và Lê Thanh Phúc A, sinh ngày: 06/4/2018. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Trong thời gian con chung của chị T và anh T chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Ngọc Diễm T và anh Lê Thanh T đều khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Ngọc Diễm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005900 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND phường 1, Mỹ Tho, Tiền Giang
(Số 23/2013, quyền số 01/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương